

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1. M. S. C. A.

)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

## CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0316559203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 1 ngày 28 tháng 12 năm 2021.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tâm Thịnh  
Bà Đào Thị Minh Huệ  
Ông Nguyễn Ngọc Thảo

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Mẫn  
Bà Đường Thị Ngọc Ân  
Bà Nguyễn Nhã Uyên

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

#### Tổng Giám đốc

Ông Lê Như Phước An

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Tâm Thịnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

#### Trụ sở chính

7A/68 Thành Thái, Phường 14, Quận 10,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

### BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Nhóm Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Nhóm Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 67. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tâm Thịnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 21 tháng 6 năm 2022

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty phê chuẩn ngày 21 tháng 6 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 67.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 6 của báo cáo tài chính hợp nhất, mô tả công ty con của Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 605.389.523.330 Đồng liên quan đến doanh thu của sản lượng điện bán cho Công ty Mua Bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) được sản xuất từ phân công suất 172,12 MW của dự án Điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam theo giá bán được ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có của Nhóm Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Giá bán điện chính thức vẫn đang được thảo luận và thống nhất với EVN. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0875-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Vũ Anh Tuấn  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
3631-2021-006-1

Báo cáo kiểm toán số: HCM12240  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.038.360.056.600</b>	<b>5.000.000</b>
<b>110</b>	<b>Tiền</b>		<b>35.322.931.846</b>	<b>1.891.015</b>
111	Tiền	4	35.322.931.846	1.891.015
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.927.243.726.931</b>	-
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.615.791.294.798	-
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	562.633.336.588	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	8(a)	412.175.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	343.805.707.906	-
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 9(a)	(7.161.612.361)	-
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		<b>35.374.676.180</b>	-
141	Hàng tồn kho	10	35.374.676.180	-
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>40.418.721.643</b>	<b>3.108.985</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	10.688.458.027	2.826.349
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(b)	29.220.234.869	282.636
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(b)	510.028.747	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>34.208.600.496.542</b>	-
<b>210</b>	<b>Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>169.053.859.468</b>	-
215	Phải thu về cho vay dài hạn	8(b)	111.371.000.000	-
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	57.682.859.468	-
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>32.222.885.096.376</b>	-
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	31.864.523.376.420	-
222	Nguyên giá		35.006.260.196.105	-
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.141.736.819.685)	-
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	358.361.719.956	-
228	Nguyên giá		376.271.124.140	-
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.909.404.184)	-
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>9.258.588.525</b>	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.258.588.525	-
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.281.482.719.593</b>	-
252	Đầu tư vào công ty liên kết	5	1.281.482.719.593	-
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>525.920.232.580</b>	-
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	463.709.625.940	-
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20	4.702.932.641	-
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	13	57.507.673.999	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>37.246.960.553.142</b>	<b>5.000.000</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>26.666.497.292.179</b>	<b>5.000.000</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.459.179.258.733</b>	<b>5.000.000</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	829.243.818.184	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(a)	111.571.043.325	-
314	Phải trả người lao động		4.224.515.161	-
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	742.459.903.883	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	1.218.730.391.526	5.000.000
320	Vay ngắn hạn	18(a)	3.541.679.206.884	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.270.379.770	-
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>20.207.318.033.446</b>	-
338	Vay dài hạn	18(b)	19.807.635.724.499	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn	19	399.682.308.947	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>10.580.463.260.963</b>	-
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>10.580.463.260.963</b>	-
411	Vốn góp của chủ sở hữu	21, 22	9.083.049.770.000	-
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.083.049.770.000	-
414	Vốn khác của chủ sở hữu	22	16.896.002.518	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối lũy kế	22	59.003.501.975	-
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		59.003.501.975	-
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	1.421.513.986.470	-
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>37.246.960.553.142</b>	<b>5.000.000</b>

Lý Quang Vinh  
Người lập

Đinh Tấn Phi  
Kế toán trưởng

Nguyễn Tâm Thịnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 21 tháng 6 năm 2022



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25 348.324.699.436	-
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26 (161.517.250.487)	-
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.807.448.949	-
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.645.668.606	-
22	Chi phí tài chính	27 (101.248.766.310)	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(100.934.223.273)	-
24	Phần lãi trong công ty liên kết	5 482.719.593	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28 (2.145.272.233)	-
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	85.541.798.605	-
32	Chi phí khác	(1.623.302.350)	-
40	Lỗ khác	(1.623.302.350)	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83.918.496.255	-
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	29 (10.748.985.563)	-
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29 4.702.932.641	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	77.872.443.333	-
Phân bổ cho:			
61	Công ty mẹ	59.312.542.952	-
62	Cổ đông không kiểm soát	18.559.900.381	-
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23(a) 708	-
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23(b) 708	-

Lý Quang Vinh  
Người lập

Đình Tấn Phi  
Kế toán trưởng




Nguyễn Tâm Thịnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 21 tháng 6 năm 2022


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>83.918.496.255</b>	-
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	76.534.995.485	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(495.623.941)	-
06	Chi phí lãi vay	100.934.223.273	-
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>260.892.091.072</b>	-
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	519.108.902.548	(282.636)
10	Giảm hàng tồn kho	46.011.070	-
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(391.617.482.718)	5.000.000
12	Tăng chi phí trả trước	(324.969.483.580)	(2.826.349)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>63.460.038.392</b>	<b>1.891.015</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	Tiền chi cho vay	(136.321.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay	83.727.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	12.904.348	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(52.581.095.652)</b>	-
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	12.000.000.000	-
33	Tiền thu từ vay	305.373.708.953	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(292.931.610.862)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>24.442.098.091</b>	-
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ</b>	<b>35.321.040.831</b>	<b>1.891.015</b>
60	Tiền đầu năm/kỳ	4	1.891.015
70	Tiền cuối năm/kỳ	4	35.322.931.846

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 32.

  
 Lý Quang Vinh  
 Người lập

  
 Đinh Tấn Phi  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Tâm Thịnh  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
 Ngày 21 tháng 6 năm 2022



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 67 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 0316559203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 10 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 12 năm 2021.

Cổ đông của Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam, một công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam và các cá nhân. Chi tiết về các cổ đông được trình bày tại Thuyết minh 21(b).

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) là sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sửa chữa thiết bị điện, xây dựng công trình điện, lắp đặt hệ thống điện, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 175 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: không có nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 1 công ty liên kết như được trình bày ở Thuyết minh 5 - Đầu tư vào công ty liên kết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp. Chi tiết như sau:

Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	2021		2020	
		Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
<b>Công ty con trực tiếp</b>					
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam (i)	Tỉnh Ninh Thuận	64,40	64,40	-	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam (ii)	Tỉnh Ninh Thuận	99,81	99,81	-	-
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam (iii)	Tỉnh Ninh Thuận	50,90	50,90	-	-
Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam (iv)	Tỉnh Ninh Thuận	100,0	100,0	-	-
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh (v)	Tỉnh Trà Vinh	99,93	99,93	-	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam (vi)	Tỉnh Lâm Đồng	97,86	97,86	-	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô (vii)	Tỉnh Lâm Đồng	59,71	59,71	-	-
<b>Công ty con gián tiếp</b>					
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1 (viii)	Tỉnh Trà Vinh	98,64	99,92	-	-

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)**

Thông tin các giao dịch đầu tư vào công ty con trong năm như sau:

- (i) Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nhận góp vốn bằng 114.970.640 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam, với tổng giá trị là 1.149,7 tỷ Đồng, từ cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 06B/021/BBTT/BKT-TNG ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm giữ 64,4% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam.

Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4500457039 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 24 tháng 9 năm 2010.

- (ii) Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nhận góp vốn bằng 52.070.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam, với tổng giá trị là 520,7 tỷ Đồng, từ 3 cổ đông là Bà Đào Thị Minh Huệ, Ông Nguyễn Ngọc Thảo và Ông Nguyễn Đăng Nhân lần lượt theo các Biên bản thỏa thuận góp vốn số 08A/021/BBTT/BKT, 08B/021/BBTT/BKT, 08C/021/BBTT/BKT ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm giữ 99,81% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam.

Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500638863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 6 tháng 4 năm 2020.

- (iii) Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nhận góp vốn bằng 50.900.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam, với tổng giá trị là 509 tỷ Đồng, từ cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 02B/021/BBTT/BKT-TNG ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm giữ 50,9% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam.

Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500614943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 6 năm 2017.

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)**

- (iv) Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nhận góp vốn bằng 2.411 tỷ Đồng là giá trị phần vốn điều lệ tại Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam thuộc sở hữu của cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Trung Nam theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 01/021/BBTT/BKT-TNG ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó, Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam trở thành công ty con của Công ty do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam.

Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500622398 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018.

- (v) Ngày 7 tháng 10 năm 2021, Công ty đã nhận góp vốn bằng 149.900.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh, với tổng giá trị là 1.499 tỷ Đồng, từ 2 cổ đông là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam và Bà Đào Thị Minh Huệ lần lượt theo các Biên bản thỏa thuận góp vốn số 03A/021/BBTT/BKT-TNG, 03B/021/BBTT/BKT ngày 7 tháng 10 năm 2021. Theo đó, Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm giữ 99,93% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh.

Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 2100639202 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2018.

- (vi) Ngày 7 tháng 10 năm 2021, Công ty đã nhận góp vốn bằng 128.066.282 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam, với tổng giá trị là 1.281 tỷ Đồng, từ cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 04/021/BBTT/BKT-TNG ngày 7 tháng 10 năm 2021. Theo biên bản thỏa thuận số 0210/BBTT/TCKT/TNG-TNEG và số 0310/BBTT/TCKT/TNG-TNEG ngày 2 tháng 10 năm 2021, giữa cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam và Công ty, Công ty sẽ kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam từ ngày 1 tháng 11 năm 2021. Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm giữ 97,86% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam từ ngày 1 tháng 11 năm 2021.

Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 5800534680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007.

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY (tiếp theo)**

- (vii) Ngày 7 tháng 10 năm 2021, Công ty đã nhận góp vốn bằng 37.257.155 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô, với tổng giá trị là 372,6 tỷ Đồng, từ cổ đông là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam và Ông Nguyễn Tâm Tiến lần lượt theo các Biên bản thỏa thuận góp vốn số 05A/021/BBTT/BKT-TNG, 05B/021/BBTT/BKT ngày 7 tháng 10 năm 2021. Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm giữ 59,71% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô.

Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 5800595757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 8 tháng 12 năm 2008.

- (viii) Ngày 7 tháng 10 năm 2021, Công ty đã nhận góp vốn bằng 4.700.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1, với tổng giá trị là 47 tỷ Đồng, từ cổ đông là Ông Nguyễn Tâm Tiến theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 09/021/BBTT/BKT-TNG ngày 7 tháng 10 năm 2021. Theo đó, Công ty nắm giữ 3,92% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 3112/021/HDCNCP/TCKT/TNG-TNTVSP ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số 3112/021/HDCNCP/TCKT/TNG-TNP ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh và Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam – các Công ty con đã mua phần góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam – Công ty mẹ cao nhất góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 1 với số cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết lần lượt là 45.000.000 và 70.200.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết, giá chuyển nhượng bằng mệnh giá là 10.000/cổ phần. Tổng giá trị chuyển nhượng cổ phần lần lượt là 450 tỷ Đồng và 702 tỷ Đồng.

Theo đó, Công ty nâng tổng tỷ lệ sở hữu từ 3,92% lên 98,64% do tăng tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua 2 Công ty con nêu trên từ ngày 31 tháng 12 năm 2021. Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1 trở thành công ty con của Công ty do Công ty nắm giữ 99,92% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1.

Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1 được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 2100649659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 3 tháng 9 năm 2019.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có số nợ ngắn hạn đã vượt quá số tài sản ngắn hạn là 3.420.819.202.133 Đồng. Trong thư hỗ trợ tài chính ngày 28 tháng 3 năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam - Công ty mẹ cao nhất đã xác nhận họ sẽ cung cấp đầy đủ các hỗ trợ tài chính để giúp Nhóm Công ty có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong vòng ít nhất 12 tháng nhưng không giới hạn đến 12 tháng kể từ ngày báo cáo tài chính hợp nhất được phê chuẩn. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhận định rằng việc lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục là phù hợp.

### **2.2 Năm/kỳ tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 26 tháng 10 năm 2020 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, số liệu tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 không có tính so sánh.

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

### **2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

#### Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung

Các đơn vị chịu sự kiểm soát chung là các đơn vị chịu sự kiểm soát bởi cùng một bên (công ty hoặc cá nhân) hoặc nhiều bên (nhóm công ty hoặc nhóm cá nhân) kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài. Phương pháp hạch toán áp dụng cho hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung được trình bày như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ, không đánh giá lại giá trị hợp lý;
- Không phát sinh lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội hay giảm trừ trong nguồn vốn chủ sở hữu (trình bày tại chỉ tiêu “Vốn khác của chủ sở hữu” – Mã số 414);
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động của các đơn vị hợp nhất kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ hợp nhất.

Sau ngày hợp nhất kinh doanh, nếu Nhóm Công ty chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát khoản đầu tư vào các đơn vị này, phần chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán đã được hạch toán trước đây vào chỉ tiêu “Vốn khác chủ sở hữu” sẽ được kết chuyển sang chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

#### Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

### 2.6 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

### 2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

### 2.9 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

### 2.10 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đến hạn thu hồi.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

*Khấu hao*

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
Máy móc thiết bị	7 – 25 năm
Phương tiện vận tải	3 – 25 năm
Thiết bị quản lý	3 – 10 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.12 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### 2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### 2.14 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

### 2.15 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Nhóm Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.16 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

**2.17 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**2.18 Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng**

Nhóm Công ty lập dự phòng cho các khoản chi phí thu dọn, xử lý pin mặt trời, khôi phục và hoàn trả mặt bằng khi hết thời hạn thuê đất theo nguyên tắc được trình bày tại Thuyết minh 2.17 và các quy định hiện hành có liên quan.

Cách xác định số dự của khoản dự phòng là căn cứ vào tổng ước tính chi phí thu dọn và khôi phục mặt bằng, chi phí xử lý pin mặt trời sẽ phát sinh khi hoàn trả mặt bằng trong tương lai. Khoản chi phí này được ghi nhận toàn bộ theo giá gốc vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 11(b)) và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng kể từ ngày dự án đi vào vận hành thương mại đến khi hoàn trả mặt bằng.

Tổng chi phí cần thiết để hoàn tất nghĩa vụ thu dọn, xử lý pin mặt trời, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê của các dự án điện mặt trời của Nhóm Công ty là 399.682.308.947 Đồng (Thuyết minh 19).

**2.19 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty lập quỹ sau:

#### **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ được sử dụng cho mục đích khen thưởng, phúc lợi cho người lao động theo quy định.

### 2.21 Ghi nhận doanh thu

#### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với “bản chất hơn hình thức” và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Nhóm Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Nhóm Công ty thì Nhóm Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**(c) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.23 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; chi phí phát hành trái phiếu.

**2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

**2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Nhóm Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

### 2.28 Ước tính kế toán quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị đánh giá là hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 3 HỢP NHẤT KINH DOANH

Như đã trình bày tại Thuyết minh 1, trong năm, Công ty đã nhận góp vốn bằng cổ phần từ các cổ đông của Công ty. Theo đó, Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp.

Việc hợp nhất kinh doanh này có ảnh hưởng đến tài sản của Nhóm Công ty tại ngày mua như sau:

	Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam VND	Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam VND	Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh VND	Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam VND	Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1 VND	Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam VND	Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô VND	Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày mua/ ngày kiểm soát (Thuyết minh 1)</b>	<b>31.12.2021</b>	<b>31.12.2021</b>	<b>1.10.2021</b>	<b>31.12.2021</b>	<b>31.12.2021</b>	<b>1.11.2021</b>	<b>1.10.2021</b>	<b>31.12.2021</b>	
<b>Tài sản</b>									
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.558.424.403	3.261.873.967	4.308.967.922	1.068.238.745	1.275.908.271	1.589.149.843	5.004.603.618	2.697.502.748	<b>29.764.669.517</b>
Các khoản phải thu ngắn hạn	191.643.891.706	1.854.868.516.826	1.178.722.943.995	175.437.468.414	117.926.884.460	1.492.002.247.203	20.199.803.425	36.136.078.711	<b>5.066.937.834.740</b>
Hàng tồn kho	24.146.629.812	6.324.088.232	4.486.151.538	392.417.668	71.400.000	-	-	-	<b>35.420.687.250</b>
Tài sản ngắn hạn khác	657.292.079	4.414.065.113	-	1.173.924.231	21.716.132.902	398.853.571	-	10.990.339.088	<b>39.350.606.984</b>
Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000	5.000.000	-	-	-	(7.161.612.361)	-	-	<b>(7.151.612.361)</b>
Tài sản cố định	3.986.962.386.770	10.330.265.057.095	3.004.553.439.265	4.604.817.679.374	4.426.470.121.863	2.655.378.558.255	1.575.110.432.835	1.715.862.416.404	<b>32.299.420.091.861</b>
Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-	6.000.000.000	-	540.795.236	2.717.793.289	-	<b>9.258.588.525</b>
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	47.500.000.000	-	-	<b>47.500.000.000</b>
Tài sản dài hạn khác	3.269.838.169	103.740.854.034	860.675.901	107.500.583	339.905.441	-	1.756.392.926	-	<b>110.075.167.054</b>
	<b>4.217.243.462.939</b>	<b>12.302.879.455.267</b>	<b>4.192.932.178.621</b>	<b>4.788.997.229.015</b>	<b>4.567.800.352.937</b>	<b>4.190.247.991.747</b>	<b>1.604.789.026.093</b>	<b>1.765.686.336.951</b>	<b>37.630.576.033.570</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
Nợ ngắn hạn	863.924.382.100	3.302.352.169.453	1.000.029.307.283	275.384.645.569	294.217.095.795	1.026.939.991.747	163.635.843.431	254.379.733.602	<b>7.180.863.168.980</b>
Nợ dài hạn	2.339.863.247.333	6.578.192.591.743	1.683.474.580.905	2.716.432.640.059	3.073.500.961.538	1.854.640.000.000	859.249.091.180	987.000.000.000	<b>20.092.353.112.758</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 3 HỢP NHẤT KINH DOANH (tiếp theo)

	Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam VND	Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam VND	Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh VND	Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam VND	Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1 VND	Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam VND	Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô VND	Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam VND	Tổng cộng VND
Ngày mua/ ngày kiểm soát (Thuyết minh 1)	31.12.2021	31.12.2021	1.10.2021	31.12.2021	31.12.2021	1.11.2021	1.10.2021	31.12.2021	
Tài sản thuần	1.013.455.833.506	2.422.334.694.071	1.509.428.290.433	1.797.179.943.387	1.200.082.295.604	1.308.668.000.000	581.904.091.482	524.306.603.349	10.357.359.751.832
Lợi ích cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 22)	497.606.814.251	-	1.006.285.527	639.869.711.758	1.001.119.401	28.005.180.000	234.466.736.811	1.004.996.364	1.402.960.844.112
Phụ trội hợp nhất (Thuyết minh 22) (*)	6.849.019.255	10.925.694.071	9.422.004.906	7.603.831.629	81.176.203	-	(25.134.195.329)	2.601.606.985	12.349.137.720
Tổng giá phí	509.000.000.000	2.411.409.000.000	1.499.000.000.000	1.149.706.400.000	1.199.000.000.000	1.280.662.820.000	372.571.550.000	520.700.000.000	8.942.049.770.000

(\*) Việc hợp nhất kinh doanh này được xác định là hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung, trong đó tất cả các công ty tham gia hợp nhất chịu sự kiểm soát lâu dài bởi cùng một bên hoặc nhiều bên kể cả trước và sau khi hợp nhất kinh doanh. Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty chịu sự kiểm soát chung. Theo đó, chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị thuần của tài sản bên bán được ghi nhận riêng biệt như một khoản phụ trội hợp nhất trong nguồn vốn chủ sở hữu và được trình bày tại khoản mục “Vốn khác của chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh 22). Giao dịch hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh; và
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các công ty hợp nhất cho kỳ kế toán năm từ thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4 TIỀN**

	<b>2021</b> <b>VND</b>	<b>2020</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	1.089.700.145	1.391.000
Tiền gửi ngân hàng	33.383.231.701	500.015
Tiền đang chuyển	850.000.000	-
	<u>35.322.931.846</u>	<u>1.891.015</u>

**5 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<u>2021</u>			<u>2020</u>		
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam						
Đắc Lắc 1 ("Trung Nam Đắc Lắc 1") (**)	1.281.482.719.593	(*)	-	-	-	-
	<u>1.281.482.719.593</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty chưa có đủ các thông tin cần thiết để xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**5 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**

(\*\*) Trong năm, lượt theo các Biên bản thỏa thuận góp vốn số 07A/021/BBTT/BKT, 07B/021/BBTT/BKT, 07C/021/BBTT/BKT ngày 31 tháng 12 năm 2021, các cổ đông bao gồm Ông Nguyễn Tâm Thịnh, Ông Nguyễn Đăng Nhân, Ông Nguyễn Tâm Tiến đã thực hiện góp vốn vào Công ty bằng cổ phiếu đang nắm giữ tại Trung Nam Đắc Lắc 1. Theo đó, 128.100 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết, với mệnh giá cũng như đơn giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phiếu, chiếm 33,71% vốn điều lệ của Trung Nam Đắc Lắc 1 được chuyển nhượng cho Công ty từ ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này, Trung Nam Đắc Lắc 1 là công ty liên kết của Công ty do Công ty nắm giữ 33,71% quyền biểu quyết tại Trung Nam Đắc Lắc 1.

Trung Nam Đắc Lắc 1 được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4500622415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắc Lắc cấp ngày 18 tháng 4 năm 2018. Ngành nghề kinh doanh chính của Trung Nam Đắc Lắc 1 là sản xuất và kinh doanh điện gió.

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm/kỳ như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	1.281.000.000.000	-
Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ	482.719.593	-
Số dư cuối năm/kỳ	<u>1.281.482.719.593</u>	<u>-</u>

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty Mua Bán Điện	1.167.573.160.669	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Uyển	40.941.954.652	-
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	33.941.037.406	-
Khác	67.714.077.474	-
	<u>1.310.170.230.201</u>	<u>-</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	305.621.064.597	-
	<u>1.615.791.294.798</u>	<u>-</u>

6 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Bao gồm trong số dư khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty, có khoản phải thu ngắn hạn Công ty Mua Bán Điện với số tiền 605.389.523.330 Đồng dựa trên cơ sở ước tính doanh thu bán điện của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Dự án điện mặt trời với công suất 450MW (“Dự án”) kết hợp trạm biến áp 500KV và đường dây tải điện 500KV của Nhóm Công ty tại Xã Phước Minh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định chủ trương đầu tư số 96/UBND-CNĐT ngày 11 tháng 3 năm 2021 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Ninh Thuận phê duyệt, đã đi vào vận hành thương mại vào ngày 1 tháng 10 năm 2020 và có thể phát điện hòa vào lưới điện quốc gia theo đơn giá bán điện US\$9,35 cents/kWh trong vòng 20 năm dựa trên Quyết định 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam và Hợp đồng mua bán điện giữa Nhóm Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) số 05/2020/HĐ-NMĐMT-THUANNAM.NT ký ngày 25 tháng 5 năm 2020.

Phần sản lượng điện của Dự án gồm: 1) phần sản lượng điện tương ứng với công suất 277,88 MW đã xác định được giá bán điện là US\$9,35 cents/kWh (quy đổi ra VND theo tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát hành hóa đơn) và 2) phần sản lượng điện tương ứng với công suất 172,12 MW chưa được EVN xác định đơn giá mua bán điện do phần công suất này vượt quá công suất tích lũy 2.000 MW đối với các dự án điện mặt trời thực hiện trên địa bàn Tỉnh Ninh Thuận, theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế-xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023.

Cơ chế và khung giá bán điện đối với phần công suất 172,12 MW (cũng như các dự án điện mặt trời khác) đang được Chính phủ tích cực giải quyết. Trong thời gian chờ đợi cơ chế và khung giá này, EVN đã tiếp tục huy động sản lượng điện phát lên lưới điện quốc gia của Nhóm Công ty dựa trên biên bản xác nhận sản lượng điện ghi nhận hàng tháng giữa EVN và Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất tương ứng với phần công suất 172,12 MW trong năm 2021 với giá bán được ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

## 7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba Khác	18.713.211.155	-
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	543.920.125.433	-
	<u>562.633.336.588</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có người bán bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó có khả năng thu hồi là 7.114.420.361 Đồng. Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản trả trước cho người bán ngắn hạn này từ ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## 8 PHẢI THU VỀ CHO VAY

## (a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh trong năm VND	Tăng trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh 31(b))(*)	-	400.225.000.000	11.950.000.000	412.175.000.000
	<u>-</u>	<u>400.225.000.000</u>	<u>11.950.000.000</u>	<u>412.175.000.000</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư thể hiện các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn liên quan đến các hợp đồng cho vay tín chấp ngắn hạn để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam vay, khoản cho vay này không có thế chấp và không chịu lãi suất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư cho vay theo hợp đồng này là 175.000.000 Đồng.

**8 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

- Cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam – Công ty mẹ cao nhất vay bao gồm:

Khoản cho vay tín chấp ngắn hạn theo Hợp đồng vay hạn mức số 0502/021/HDVHM/TCKT/TNG-TNEG ngày 5 tháng 2 năm 2021 và phụ lục số PL01/0502/021/HDVHM/TCKT/TNG-TNEG ngày 1 tháng 9 năm 2021. Hạn mức cho vay là 100 tỷ Đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 1 tháng và được tự động gia hạn thêm đúng bằng thời hạn duy trì hạn mức nếu Công ty chưa có nhu cầu thu hồi gốc vay tại thời điểm đáo hạn hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là 4%/năm đến ngày 31 tháng 8 năm 2021 và 2%/năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư cho vay theo hợp đồng này là 2.000.000.000 Đồng. Khoản phải thu cho vay này đã được thu hồi trong quý 1 năm 2022.

Khoản cho vay tín chấp ngắn hạn theo Hợp đồng vay tiền số 2201/021/HDVT/TCKT/TNG-TNEG ngày 22 tháng 1 năm 2021 và phụ lục số PL01/2201/021/HDVT/TCKT/TNG-TNEG ngày 1 tháng 9 năm 2021. Số tiền cho vay là 9.950.000.000 Đồng. Thời hạn cho vay là 1 tháng kể từ ngày 22 tháng 1 năm 2021 và được tự động gia hạn thêm đúng bằng thời hạn cho vay nếu Công ty chưa có nhu cầu thu hồi gốc vay tại thời điểm đáo hạn hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là 4%/năm đến ngày 31 tháng 8 năm 2021 và 2%/năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư cho vay theo hợp đồng này là 9.950.000.000 Đồng. Khoản phải thu cho vay này đã được thu hồi trong quý 1 năm 2022.

Khoản cho vay tín chấp ngắn hạn theo Hợp đồng vay tài sản số 0906/2021/HĐVTS/TNTN-TNG ngày 10 tháng 6 năm 2021. Hạn mức cho vay là 400 tỷ Đồng. Thời hạn cho vay là 12 tháng và đáo hạn trong năm 2022. Lãi suất cho vay cố định là 12%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư cho vay theo hợp đồng này là 400.000.000.000 Đồng.

- Khoản cho Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 2 vay, công ty thành viên cùng Nhóm Công ty vay, các khoản cho vay này không có thể chấp và không chịu lãi suất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư cho vay theo hợp đồng này là 50.000.000 Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty không có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

8 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh trong năm VND	Tăng trong năm (*) VND	Giảm trong năm VND	Cán trừ khoản phải trả trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh 31(b))	-	-	788.520.524.046	(83.727.000.000)	(593.422.524.046)	111.371.000.000

(\*) Tăng trong năm bao gồm 664.149.524.046 Đồng chuyển đổi từ số dư ủy thác đầu tư thành khoản cho vay dài hạn theo Biên bản Thỏa thuận số 0110/021/BBTT/TCKT/TNG-TNTVSP và Hợp đồng Tín dụng số 0110/021/HDVT/TCKT/TNG-TNTVSP ngày 1 tháng 10 năm 2021.

Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan thể hiện khoản cho vay tín chấp dài hạn theo Hợp đồng vay số 1012/021/HDVT/TCKT/TNG-TNTVSP ngày 10 tháng 12 năm 2021. Hạn mức cho vay là 400 tỷ Đồng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 10 tháng 12 năm 2021 đến hết ngày 10 tháng 12 năm 2023. Lãi suất cho vay là 12%/năm và tiền lãi vay sẽ được chi trả theo định kỳ mỗi 3 tháng từ ngày 10 tháng 12 năm 2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty không có khoản phải thu về cho vay dài hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

## 9 PHẢI THU KHÁC

## (a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Phải thu tạm ứng đền bù (*)	198.973.801.879	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam (**)	93.557.482.201	-
Phải thu chuyển nhượng vốn (***)	28.500.000.000	-
Phải thu EVNEPTC (****)	3.327.277.753	-
Khác	19.447.146.073	-
	<u>343.805.707.906</u>	<u>-</u>
Trong đó:		
Bên thứ ba	214.357.187.798	-
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	129.448.520.108	-
	<u>343.805.707.906</u>	<u>-</u>

(\*) Phải thu tạm ứng đền bù chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho các dự án Nhà máy Điện của Nhóm Công ty.

(\*\*) Đây là khoản phải thu lại Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam - bên liên quan khác, bao gồm 12.063.985.446 Đồng phải thu giảm trừ giá trị thi công Dự án xây dựng Nhà máy điện mặt trời Trung Nam và 81.493.496.755 Đồng phải thu lại tiền ứng trước người bán ngắn hạn sau khi Nhóm Công ty thực hiện quyết toán giá trị thi công Dự án xây dựng Nhà máy điện mặt trời Trung Nam.

(\*\*\*) Đây là khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Điện Mặt trời Trung Nam Trà Vinh trị giá 28,5 tỷ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0610/021/HĐCNCP/TCKT/TNG-TNP(TNTVSP) ngày 6 tháng 10 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam – Công ty con cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam – Công ty mẹ cao nhất trước khi giao dịch hợp nhất xảy ra.

(\*\*\*\*) Số dư thể hiện khoản phải thu EVNEPTC liên quan đến sản lượng điện đã cung cấp từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến trước 15h ngày 26 tháng 10 năm 2021 (thời điểm Nhóm Công ty nhận được Văn bản 4083/DĐQG- ĐĐ của Trung tâm điều độ Quốc gia). Theo công văn số 7519/EPTC-KDMĐ ngày 2 tháng 12 năm 2021 của EVNEPTC, EVNEPTC sẽ thanh toán tiền điện cho sản lượng điện được tính từ thời điểm 15h ngày 26 tháng 10 năm 2021, toàn bộ sản lượng điện trước thời điểm trên sẽ tạm chưa thanh toán. Theo đó đối với sản lượng điện từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến trước 15h ngày 26 tháng 10 năm 2021, Nhóm Công ty đã nhận được biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Nhóm Công ty và EVNEPTC ký ngày 8 tháng 11 năm 2021 tuy nhiên Nhóm Công ty chưa xuất hóa đơn GTGT cho EVNEPTC. Nhóm Công ty ghi nhận khoản phải thu này vào khoản phải thu ngắn hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và sẽ được xử lý theo văn bản cuối cùng của EVNEPTC.

**9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 47.192.000 Đồng. Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu ngắn hạn khác bị quá hạn thanh toán này.

**(b) Dài hạn**

	2021 VND	2020 VND
Phải thu ủy thác đầu tư (*)	57.672.859.468	-
Khác	10.000.000	-
	<u>57.682.859.468</u>	<u>-</u>
Trong đó:		
Bên thứ ba	10.000.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	57.672.859.468	-
	<u>57.682.859.468</u>	<u>-</u>

(\*) Phải thu ủy thác đầu tư thể hiện khoản phải thu ông Nguyễn Đăng Nhân – cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam, liên quan đến khoản ủy thác đầu tư góp vốn vào dự án giải quyết chống ngập khu vực Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Ủy thác Đầu tư số 2210/021/HDUTDT/TCKT/TNP-NDN ngày 22 tháng 10 năm 2021 với tổng số tiền 57.672.859.468 đồng. Thời hạn ủy thác là 5 năm kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2021. Phương thức phân chia lợi nhuận hoặc chia sẻ rủi ro sẽ được các bên thoả thuận và thống nhất bằng văn bản sau khi lợi nhuận hoặc lỗ được chia từ chủ đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

**10 HÀNG TỒN KHO**

	2021 VND	2020 VND
Công cụ, dụng cụ	30.877.926.137	-
Hàng hóa	4.421.150.043	-
Nguyên vật liệu tồn kho	75.600.000	-
	<u>35.374.676.180</u>	<u>-</u>

## 11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

## (a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí mua bảo hiểm	7.666.903.210	-
Chi phí dịch vụ trả trước	2.394.254.948	2.826.349
Công cụ, dụng cụ	611.134.152	-
Khác	16.165.717	-
	<u>10.688.458.027</u>	<u>2.826.349</u>

## (b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí xử lý pin mặt trời, khôi phục mặt bằng	383.329.258.105	-
Chi phí tư vấn thu xếp vốn vay	27.140.816.876	-
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	28.024.257.560	-
Chi phí sửa chữa và bảo trì	6.023.987.916	-
Công cụ, dụng cụ	4.598.688.449	-
Khác	14.592.617.034	-
	<u>463.709.625.940</u>	<u>-</u>

(\*) Đây là khoản chi phí đền bù giải phóng mặt bằng cho người dân do nước trong đập thủy điện của Dự án Thủy Điện Đồng Nai 2 dâng lên trong quá trình sử dụng sản xuất kinh doanh theo các Quyết định trong năm 2021 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai. Theo đó, phần diện tích của mặt bằng sau khi được giải phóng, đền bù thuộc quyền sử dụng của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

12 TSCĐ

(a) Hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	-	-	-	-
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	13.858.048.327.839	20.946.207.596.639	201.642.887.147	361.384.480	35.006.260.196.105
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	13.858.048.327.839	20.946.207.596.639	201.642.887.147	361.384.480	35.006.260.196.105
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	36.525.147.734	38.459.217.534	1.318.108.632	1.904.166	76.304.378.066
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	1.119.048.191.664	1.890.456.654.071	55.617.934.580	309.661.304	3.065.432.441.619
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.155.573.339.398	1.928.915.871.605	56.936.043.212	311.565.470	3.141.736.819.685
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.702.474.988.441	19.017.291.725.034	144.706.843.935	49.819.010	31.864.523.376.420

**12 TSCĐ (tiếp theo)****(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình bao gồm 2.068 tỷ Đồng là giá trị nguyên giá tạm tính của hạng mục công trình Trạm biến áp 500 KV và các đường dây đầu nối. Theo văn bản số 3691/UBND-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận gửi Bộ Công thương, Nhóm Công ty dự kiến sẽ bàn giao lại các hạng mục công trình Trạm biến áp 500 KV và các đường dây đầu nối cho EVN quản lý, vận hành. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty và EVN chưa có phương án để bàn giao hạng mục Trạm biến áp 500KV và các đường dây đầu nối nói trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 31.204 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: không có) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 606.345.001 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: không có).

**(b) TSCĐ vô hình****Quyền sử dụng đất  
VND****Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021

-

Tăng từ hợp nhất kinh doanh

376.271.124.140

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

376.271.124.140

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021

-

Tăng từ hợp nhất kinh doanh

17.678.786.765

Khấu hao trong năm

230.617.419

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

17.909.404.184

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

358.361.719.956

**13 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị thuần của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản và có thời gian dự trữ hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	2021		2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Jinkosolar Middle East DMCC	118.792.711.655	118.792.711.655	-	-
Công ty TNHH Tuabin nước Trùng Khánh Trung Quốc	56.078.289.928	56.078.289.928	-	-
Green Cosmos Marketing Pte Ltd	60.728.804.725	60.728.804.725	-	-
Khác	322.215.996.910	322.215.996.910	-	-
	<u>557.815.803.218</u>	<u>557.815.803.218</u>	-	-
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))				
	271.428.014.966	271.428.014.966	-	-
	<u>829.243.818.184</u>	<u>829.243.818.184</u>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh trong năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã phân loại lại trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
<b>(a) Phải nộp</b>							
Thuế TNDN	-	755.470.733	10.748.985.563	-	-	(1.177.399)	11.503.278.897
Thuế GTGT	-	43.553.993.286	48.531.485.834	(16.776.688.185)	(6.974.376.409)	-	68.334.414.526
Thuế thu nhập cá nhân	-	265.978.925	17.655.774	(9.707.896)	-	-	273.926.803
Khác	-	8.061.636.043	34.239.322.523	(10.979.420.464)	-	137.884.997	31.459.423.099
	-	52.637.078.987	93.537.449.694	(27.765.816.545)	(6.974.376.409)	136.707.598	111.571.043.325
<b>(b) Phải thu</b>							
Thuế GTGT được khấu trừ	282.636	30.056.732.805	6.137.595.837	-	(6.974.376.409)	-	29.220.234.869
Thuế TNDN	-	1.177.399	-	-	-	(1.177.399)	-
Khác	-	372.143.750	-	-	-	137.884.997	510.028.747
	282.636	30.430.053.954	6.137.595.837	-	(6.974.376.409)	136.707.598	29.730.263.616

## 16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí đầu tư xây dựng (*)	592.546.538.325	-
Lãi vay	102.902.698.090	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.099.967.789	-
Chi phí triển khai Dự án Nhà máy Điện gió Trung Nam	16.224.092.757	-
Khác	3.686.606.922	-
	<u>742.459.903.883</u>	<u>-</u>

(\*) Chi phí đầu tư xây dựng thể hiện giá trị tăng thêm theo Biên bản nghiệm thu xác nhận khối lượng hoàn thành ngày quyết toán và Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán công trình Dự án Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam ngày 20 tháng 12 năm 2021. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa hoàn tất hồ sơ thanh toán liên quan đến giá trị quyết toán cuối cùng.

## 17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Cổ tức phải trả đã công bố trước khi hợp nhất kinh doanh	949.829.955.527	-
Chi phí lãi vay	176.977.493.357	-
Tiền chuyển nhượng cổ phần phải trả (*)	44.461.046.001	-
Phải trả Ông Nguyễn Ngọc Thảo (**)	38.415.506.077	-
Khác	9.046.390.564	5.000.000
	<u>1.218.730.391.526</u>	<u>5.000.000</u>
Trong đó:		
Bên thứ ba	19.971.402.820	5.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	1.198.758.988.706	-
	<u>1.218.730.391.526</u>	<u>5.000.000</u>

**17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)**

- (\*) Đây là khoản còn lại phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam – Công ty mẹ cao nhất sau khi thực hiện cân trừ nợ phải trả phát sinh từ giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 1 – Công ty con trị giá 702 tỷ Đồng (Thuyết minh 1) với các khoản phải thu theo Biên bản thỏa thuận ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư là giá trị khoản phải trả cho ông Nguyễn Ngọc Thảo liên quan đến phần vốn góp dư tại Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam – Công ty con sau khi thực hiện cân trừ công nợ ba bên giữa: Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam; Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam – Công ty mẹ cao nhất và Ông Nguyễn Ngọc Thảo theo Biên bản thỏa thuận ba bên số 3112/021/BBTT/TCKT/TNG-NNT-PH ký ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh trong năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngân hàng (I)	-	95.000.000.000	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-	95.000.000.000
Phát hành trái phiếu (II)	-	400.000.000.000	-	-	-	400.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(1.653.583.408)	-	-	-	(1.653.583.408)
Vay ngân hàng dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(b))	-	1.029.316.033.582	-	(191.914.810.862)	327.392.059.227	1.164.793.281.947
Vay bên liên quan dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(b))	-	-	-	-	75.385.000.133	75.385.000.133
Trái phiếu dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(b))	-	963.846.400.000	-	-	-	963.846.400.000
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))(III)	-	1.360.798.108.212	510.000.000	-	(517.000.000.000)	844.308.108.212
	-	3.847.306.958.386	40.510.000.000	(231.914.810.862)	(114.222.940.640)	3.541.679.206.884

## 18 VAY (tiếp theo)

## (a) Ngắn hạn (tiếp theo)

- (I) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết số dư của các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình, chi tiết như sau:
- (i) Khoản vay tín chấp ngắn hạn với hạn mức cho vay là 350 tỷ Đồng, được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh của Nhóm Công ty. Lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau được niêm yết tại ngân hàng cộng biên 3,5%/năm.
  - (ii) Khoản vay tín chấp ngắn hạn trong thời gian 6 tháng kể từ ngày 9 tháng 9 năm 2021 đến ngày 9 tháng 3 năm 2022. Lãi suất cho vay là 7%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (II) Phát hành trái phiếu ngắn hạn thể hiện giá trị trái phiếu đã phát hành ngày 15 tháng 6 năm 2021. Mục đích của việc phát hành trái phiếu là tăng quy mô vốn hoạt động cho Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam. Trái phiếu có kỳ hạn 12 tháng tính từ ngày phát hành và đáo hạn ngày 15 tháng 6 năm 2022, lãi suất là 11%/năm, kỳ tính lãi là 3 tháng liên tục trong kỳ hạn trái phiếu.
- (III) Vay ngắn hạn bên liên quan thể hiện các khoản vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam – Công ty mẹ cao nhất, cụ thể như sau:
- Khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 1.000 tỷ đồng, thời gian duy trì hạn mức từ ngày 05 tháng 8 năm 2021 đến ngày 05 tháng 8 năm 2022, lãi suất áp dụng là 12%/năm. Mục đích của khoản vay là tài trợ vốn xây dựng Nhà máy Điện Mặt trời Trung Nam Thuận Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư theo hợp đồng này là 831,3 tỷ Đồng.
  - Khoản vay theo hợp đồng vay hạn mức ngày 31 tháng 12 năm 2021. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 6 tháng, lãi suất cho vay là 3%/năm. Mục đích để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư theo hợp đồng này là 0,51 tỷ Đồng.
  - Khoản vay theo hợp đồng vay hạn mức ngày 31 tháng 12 năm 2021. Hạn mức cho vay là 100 tỷ Đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 6 tháng, lãi suất vay là 3%/năm. Mục đích để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư theo các hợp đồng vay này là 12,5 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh trong năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại lại VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngân hàng (I)	-	12.225.959.543.535	-	-	(327.392.059.227)	11.898.567.484.308
Phát hành trái phiếu (II)	-	7.198.386.920.953	112.061.000.000	-	-	7.310.447.920.953
Chi phí phát hành trái phiếu (III)	-	(68.529.680.762)	(100.000.000)	-	-	(68.629.680.762)
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))(IV)	-	36.599.091.180	152.802.708.953	(61.016.800.000)	441.614.999.867	570.000.000.000
Khác (V)	-	97.250.000.000	-	-	-	97.250.000.000
	-	19.489.665.874.906	264.763.708.953	(61.016.800.000)	114.222.940.640	19.807.635.724.499

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (l) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết số dư của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

		31.12.2021 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- Chi nhánh Hoàng Mai	(i)	1.980.772.800.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	(ii)	1.911.444.326.196
Ngân hàng Phát triển Việt Nam Sở Giao Dịch II	(iii)	582.835.231.559
Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh	(iv)	1.295.225.000.000
Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Thạnh	(v)	987.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	(vi)	1.077.552.408.500
Ngân hàng Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	(vii)	3.196.441.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	(viii)	103.434.500.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	(ix)	275.237.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	(x)	841.468.500.000
Ngân Hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Triệu	(xi)	811.950.000.000
		13.063.360.766.255
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(a))		(1.164.793.281.947)
		11.898.567.484.308

- (i) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 8 tháng 10 năm 2020 với hạn mức vay là 2.400 tỷ Đồng. Mục đích là tài trợ nguồn vốn xây dựng Nhà máy Điện Mặt trời Trung Nam Thuận Nam.

Khoản vay có kì hạn trả nợ tối đa 9 năm, đáo hạn vào năm 2029. Lãi suất áp dụng là 10,4%/năm cho 4 tháng đầu tiên, 10,5%/năm cho 8 tháng tiếp theo và mức lãi suất của các kỳ tính lãi tiếp theo áp dụng bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 24 tháng trả sau cộng biên lãi suất 3,4%/năm.

Khoản vay được đảm bảo bởi phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam – Công ty con.

**18 VAY (tiếp theo)****(b) Dài hạn (tiếp theo)**

- (ii) Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 10 tháng 4 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 2.100 tỷ Đồng, được sử dụng để mở rộng dự án Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh và Hợp đồng vay ngày 10 tháng 1 năm 2020 với số tiền 200 tỷ Đồng, được sử dụng để tài trợ bù đắp chi phí xây dựng, chi phí mua sắm thiết bị trong quá trình xây dựng Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh.

Thời gian trả nợ vay là 10 năm, chia thành 36 kỳ trả nợ. Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm trung dài hạn linh hoạt kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau cộng biên lãi suất 2,8%/năm. Nhóm Công ty được hỗ trợ với mức lãi suất cố định 9,8% từ ngày 25 tháng 8 năm 2021 đến ngày 4 tháng 9 năm 2021 và hưởng mức lãi suất cố định 9,3% từ ngày 5 tháng 9 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021. Sau thời gian này, mức lãi suất sẽ trở về thời điểm trước ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Các khoản vay được đảm bảo bởi nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị như trình bày ở Thuyết minh 12(a). Ngoài ra khoản vay này còn được đảm bảo bởi tài sản là quyền sử dụng đất của các lô đất tại Xã Hoa Liên, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Trung Nam – Công ty thành viên cùng Tập đoàn.

- (iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 29 tháng 4 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 1.000 tỷ Đồng, thời hạn vay 12 năm. Mục đích để đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị đủ điều kiện là tài sản cố định thuộc Dự án Nhà máy điện gió Trung Nam - Giai đoạn I.

Lãi suất được xác định tại thời điểm rút vốn giải ngân. Kỳ hạn trả gốc hàng tháng bắt đầu từ tháng kế tiếp sau thời gian ân hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 14/2017/HĐTCTS-NHPT ngày 29 tháng 4 năm 2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2018/HĐTCTS-NHOT ngày 22 tháng 5 năm 2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 76/2018/HĐTCTS-NHPT ngày 7 tháng 12 năm 2018 (Thuyết minh 12(a)).

- (iv) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 26 tháng 10 năm 2019. Hạn mức vay là 1.500 tỷ đồng, thời hạn vay là 11 năm. Mục đích để đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị đủ điều kiện là tài sản cố định của Dự án Nhà máy điện gió Trung Nam - Giai đoạn II.

Lãi suất được xác định tại thời điểm rút vốn giải ngân. Lãi suất cho vay được điều chỉnh từ 9%/năm thành 8.1%/năm kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (hoặc đến ngày đến hạn nếu khoản vay đến hạn trước ngày 31 tháng 12 năm 2021). Sau ngày 31 tháng 12 năm 2021, lãi suất cho vay được điều chỉnh về mức là 9%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc là 3 tháng, kỳ hạn trả lãi là 3 tháng bắt đầu sau thời gian ân hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6380-LCL-201900818 ngày 26 tháng 10 năm 2019; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 6380-LCL-201900819 ngày 26 tháng 10 năm 2019 (Thuyết minh 12(a)).

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (v) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 19 tháng 3 năm 2021. Số tiền vay là 987 tỷ Đồng, thời hạn vay là 13 năm, lãi suất vay từ 8,1%/năm đến 9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án “Nhà máy điện gió số 5 của Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam (Thuyết minh 12(a)).
- (vi) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng ngày 5 tháng 10 năm 2020. Hạn mức vay là 1.123 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 năm. Mục đích để đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị đủ điều kiện là TSCĐ của Dự án Nhà máy điện gió Trung Nam - Giai đoạn III (Dự án giai đoạn 3).

Lãi suất được xác định tài thời điểm rút vốn giải ngân và được thanh toán hàng tháng bắt đầu sau thời gian ân hạn. Nợ gốc được thanh toán hàng năm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay được quy định tại các Hợp đồng thế chấp tài sản từ số 254 đến 260/2020/HĐBĐ/NHCT124-TNWP ngày 24 tháng 9 năm 2020 bao gồm các tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án giai đoạn 3 và các quyền, lợi ích liên quan đến các tài sản này, 12 turbine gió thuộc Dự án giai đoạn 3, trạm biến áp hợp bộ 22kV và trạm biến áp 110kV, Hợp đồng mua bán điện số 07/2016 HĐ-NMĐG TRUNG NAM ngày 15 tháng 7 năm 2016 và toàn bộ 178.537.200 cổ phần với giá trị tính theo mệnh giá là 1.785.372.000.000 đồng của các cổ đông của Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam – Công ty con.

- (vii) Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư ngày 7 tháng 1 năm 2021. Số tiền vay là 3.196 tỷ đồng, thời hạn vay là 168 tháng, lãi suất vay từ 7,5%/năm đến 8%/năm.

Tài sản đảm bảo của khoản vay bao gồm:

- Tổng giá trị tài sản hình thành dự án Điện gió Đông Hải 1 (Thuyết minh 12(a)) theo Hợp đồng thế chấp Số 0121/2021/STN ký ngày 23 tháng 4 năm 2021;
- Tiền gửi tiết kiệm thuộc sở hữu của bà Đào Thị Minh Huệ - cổ đông theo Hợp đồng cầm cố số 0130/2021/STN ngày 23 tháng 4 năm 2021; và
- Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam trong Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1 với giá trị là 960 tỷ Đồng theo Hợp đồng thế chấp Số 0099/2021/STN ký ngày 15 tháng 4 năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phần vốn góp này đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh và Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam (Thuyết minh 1).

- (viii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng đầu tư ngày 30 tháng 7 năm 2012. Hạn mức vay là 326,78 tỷ Đồng, thời hạn vay tối đa 18 năm, lãi suất cho vay là 12%/năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2014. Mục đích để đầu tư Dự án thủy điện Đồng Nai 2.

Tài sản đảm bảo bao gồm các tài sản hình thành sau đầu tư (Thuyết minh 12(a)).

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (ix) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng đầu tư ngày 7 tháng 4 năm 2014. Hạn mức vay là 290 tỷ Đồng, thời hạn vay tối đa 18 năm, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ hạn trả nợ theo từng thời kỳ. Lãi suất cho vay trong năm từ 10,5%/năm - 10,8%/năm. Mục đích để đầu tư Dự án thủy điện Đồng Nai 2.

Tài sản đảm bảo bao gồm các tài sản hình thành sau đầu tư (Thuyết minh 12(a)).

- (x) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng đầu tư ngày 11 tháng 11 năm 2009. Hạn mức vay là 916 tỷ Đồng, thời hạn vay tối đa 18 năm, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho mỗi kỳ hạn trả nợ là 6,9%/năm. Mục đích để đầu tư dự án theo các Quyết định số 29/09/QĐ/TNP-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2009 và 36/09/QĐ/TNP-HĐQT ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam – Công ty con.

Tài sản đảm bảo bao gồm các tài sản hình thành sau đầu tư (Thuyết minh 12(a)).

- (xi) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 27 tháng 12 năm 2020. Các khoản vay này được sử dụng để trả nợ trước hạn đối với khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – chi nhánh Vạn Phúc để thực hiện Dự án Nhà máy thủy điện Krông Nô 2 (“Thủy điện Krông Nô 2”) và Dự án Nhà máy thủy điện Krông Nô 3 (“Krông Nô 3”). Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với Thủy điện Krông Nô 2 (đáo hạn ngày 27 tháng 12 năm 2026) và 72 tháng đối với Thủy điện Krông Nô 3 (đáo hạn ngày 27 tháng 12 năm 2025). Lãi suất vay được điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất 10,5%/năm trong năm đầu tiên.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư của công trình Thủy điện Krông Nô 2 và Krông Nô 3 như trình bày tại Thuyết minh 12(a).

- (II) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết giá trị trái phiếu đã phát hành như sau:

		<b>31.12.2021</b>
		<b>VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội		
- Chi nhánh Sài Gòn	(i)	2.735.233.320.953
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	(ii)	5.427.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư AZA	(iii)	64.704.000.000
Các cá nhân khác	(iii)	47.357.000.000
		8.274.294.320.953
Trái phiếu dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(a))		(963.846.400.000)
		7.310.447.920.953

18 VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

- (i) Trái phiếu phát hành tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn. Mục đích của việc phát hành trái phiếu là huy động nguồn vốn xây dựng Nhà máy điện mặt trời Trung Nam. Trái phiếu có kỳ hạn trả nợ tối đa 9 năm, đáo hạn vào năm 2028, lãi suất là 10,5%/năm cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên, lãi suất của các kỳ tính lãi tiếp theo công bố tại trang thông tin chính thức của Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ nguồn vốn đầu tư của Nhà máy Điện Mặt trời Trung Nam (Thuyết minh 12(a)).

- (ii) Trái phiếu phát hành tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - chi nhánh Bến Thành. Mục đích của việc phát hành trái phiếu là huy động nguồn vốn xây dựng Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam. Kỳ hạn trả nợ tối đa 9 năm, đáo hạn năm 2029, lãi suất là 10,1%/năm đến 10,5%/năm cho 4 kỳ đầu tiên tùy thuộc vào thỏa thuận của kỳ phát hành trái phiếu, lãi suất của các kỳ tính lãi tiếp theo công bố tại trang thông tin chính thức của Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo là các quyền tài sản, tài sản hình thành và sẽ hình thành trong tương lai gắn liền với dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam (Thuyết minh 12(a)) và các quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Trung Nam trong Dự án Golden Hill, Khu đô thị sinh thái Quan Nam – Thủy Tú và một số bất động sản khác tại thành phố Đà Nẵng.

- (iii) Trái phiếu phát hành thể hiện giá trị trái phiếu đã phát hành trong năm với tổng hạn mức là 400.000.000.000 đồng. Mục đích của việc phát hành trái phiếu là phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Kỳ hạn tối đa là 10 năm, lãi suất cố định là 11.5%/năm.

- (III) Chi phí phát hành trái phiếu thể hiện chi phí tư vấn tài chính doanh nghiệp nhằm mục đích phát hành trái phiếu để huy động vốn thực hiện dự án xây dựng Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp số 140/TNTNSL-MBSG/TP ngày 29 tháng 5 năm 2020, phí dịch vụ được xác định dựa trên tổng giá trị mệnh giá trái phiếu phát hành thành công nhân với tỉ lệ phần trăm được thỏa thuận giữa các bên bằng biên bản cho từng đợt phát hành.

**18 VAY (tiếp theo)**

**(b) Dài hạn (tiếp theo)**

(IV) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vay dài hạn bên liên quan thể hiện khoản vay tín chấp từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam – Công ty mẹ cao nhất, chi tiết như sau:

		31.12.2021 VND
Hợp đồng tín dụng số 15/HĐ/TCKT/TNG	(i)	570.000.000.000
Hợp đồng số 1803/020/HDVT/TCKT/TNG-TNKRN	(ii)	75.385.000.133
		645.385.000.133
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(a))		(75.385.000.133)
		570.000.000.000

(i) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các phụ lục liên quan. Hạn mức cho vay là 574,86 tỷ Đồng, thời hạn cho vay là 8 năm kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2015, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 13 tháng trả sau cao nhất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, lãi suất trong năm từ 10,5%/năm đến 10,8%/năm. Mục đích đầu tư dự án Thủy điện Đồng Nai 2. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư của hợp đồng vay này là 570 tỷ Đồng.

(ii) Khoản vay theo hợp đồng vay ngày 18 tháng 3 năm 2020. Thời hạn cho vay là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay có lãi suất 12%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư của hợp đồng vay này là 75,3 tỷ Đồng.

(V) Vay khác thể hiện khoản tiền mượn ông Nguyễn Đình Phúc theo Hợp đồng tiền mượn số 0803/019/HDTM/TCKT/TNP-NDP ngày 8 tháng 3 năm 2019. Thời hạn mượn 4 năm đến ngày 7 tháng 3 năm 2023. Đây là khoản tiền mượn không lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

**19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường	399.682.308.947	-

## 20 THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	4.702.932.641	-

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm/kỳ như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Số dư đầu năm/kỳ	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 29)	4.702.932.641	-
Số dư cuối năm/kỳ	4.702.932.641	-

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại

	2021 VND	2020 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.702.932.641	-

Tài sản thuế TNDN hoãn lại bao gồm chi phí lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và chi phí dự phòng phải trả dài hạn. Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2021 là 20% (giai đoạn từ ngày 26 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: không có).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

**20 THUẾ TNDN HOÃN LẠI (tiếp theo)**

Các khoản lỗ tính thuế của một công ty con có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Nhóm Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2016	Chưa thanh tra thuế	3.308.890.823	(3.308.890.823)	-
2018	Chưa thanh tra thuế	14.652.237.823	(14.652.237.823)	-
2019	Chưa thanh tra thuế	8.984.413.969	(8.984.413.969)	-

**21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	2021 Cổ phiếu phổ thông	2020 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	908.304.977	321.123.437
Số lượng cổ phiếu đã phát hành (Thuyết minh 21(c))	908.304.977	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	908.304.977	-

## 21 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

## (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông (Chưa kiểm toán)	% (Chưa kiểm toán)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	6.741.345.020.000	74,2	-	-
Bà Đào Thị Minh Huệ	752.537.000.000	8,3	-	-
Ông Nguyễn Tâm Tiến	570.215.250.000	6,3	-	-
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	542.885.000.000	6,0	-	-
Ông Nguyễn Đăng Nhân	246.497.500.000	2,7	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	229.570.000.000	2,5	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.083.049.770.000	100	-	-

## (c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-
Cổ phiếu mới phát hành (*)	908.304.977	9.083.049.770.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	908.304.977	9.083.049.770.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 0316559203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 10 năm 2020, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 3.211.234.370.000 Đồng, tương đương 321.123.437 cổ phiếu (Thuyết minh 21(a)), mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số lượng cổ phiếu này chưa được lưu hành.

Trong năm 2021, theo Nghị quyết số 392A/021/NQ/TNG ngày 7 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết số 609D/021/NQ/TNG ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 0316559203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 3.211.234.370.000 Đồng lên 9.083.049.770.000 Đồng, đồng thời các cổ đông của Công ty đã thực hiện góp đủ vốn điều lệ, trong đó góp bằng tiền là 12.000.000.000 Đồng và góp bằng tài sản là cổ phần thuộc sở hữu của các cổ đông Công ty tương đương 9.071.049.770.000 Đồng. Tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất, số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành là 908.304.977 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-	-	-	-
Vốn tăng trong năm (Thuyết minh 21 (c))	9.083.049.770.000	-	-	-	9.083.049.770.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	59.312.542.952	18.559.900.381	77.872.443.333
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(309.040.977)	(6.758.023)	(315.799.000)
Tăng từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 3)	-	12.349.137.720	-	1.402.960.844.112	1.415.309.981.832
Khác	-	4.546.864.798	-	-	4.546.864.798
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	9.083.049.770.000	16.896.002.518	59.003.501.975	1.421.513.986.470	10.580.463.260.963

(\*) Thực hiện theo Biên bản họp của Đại hội Đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam – Công ty con số 16A/021/BBH/TNP ngày 2 tháng 10 năm 2021.

**23 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm/kỳ, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020
Lợi nhuận thuần phân bổ cho công ty mẹ (VND)	59.312.542.952	-
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (Thuyết minh 22) (*)	(309.040.977)	-
	<u>59.003.501.975</u>	<u>-</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	83.369.966	-
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>708</u>	<u>-</u>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi đã trích của năm nay theo Biên bản họp của Đại hội Đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam – Công ty con số 16A/021/BBH/TNP ngày 2 tháng 10 năm 2021.

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**24 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****Tài sản thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải thanh toán trong tương lai theo của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 34(a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN/HN

25 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Doanh thu thuần về bán điện	298.787.592.957	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá	49.537.106.479	-
	<u>348.324.699.436</u>	<u>-</u>

26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Giá vốn về bán điện	112.408.242.725	-
Giá vốn về bán hàng hoá	49.109.007.762	-
	<u>161.517.250.487</u>	<u>-</u>

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Lãi tiền vay	100.934.223.273	-
Chi phí tài chính khác	314.543.037	-
	<u>101.248.766.310</u>	<u>-</u>

## 28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Chi phí nhân viên	1.115.329.604	-
Chi phí nhiên liệu và vật tư	56.183.833	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	577.032.882	-
Chi phí khấu hao	135.525.415	-
Chi phí thuế, phí và lệ phí	169.794.674	-
Chi phí khác	91.405.825	-
	<u>2.145.272.233</u>	<u>-</u>

## 29 THUẾ TNDN

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư sẽ áp dụng ưu đãi theo các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các công văn về ưu đãi thuế TNDN; cụ thể như sau:

- Đối với Nhà máy Điện Mặt Trời Trung Nam, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%, được miễn bốn (4) năm kể từ năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động (từ năm 2019 – năm 2022) đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất điện và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031) với thuế suất 10% đối với thu nhập từ thực hiện dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư số 85/QĐ - UBND ngày 7 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận ;
- Đối với Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Thuận Nam , Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2020) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo Văn bản số 96/UBND-CNĐT ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận;
- Đối với Nhà máy điện mặt trời Trung Nam Trà Vinh, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (năm 2019) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo theo Quyết định chủ trương đầu tư số 554/QĐ–UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh;
- Đối với Nhà máy điện gió Trung Nam , Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2020) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo theo giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 4088008126 ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

## 29 THUẾ TNDN (tiếp theo)

- Đối với Nhà máy Điện Gió Đông Hải 1, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% đối với doanh thu từ hoạt động sản xuất điện trong mười lăm (15) năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu hoạt động (năm 2021), được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2021) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo (năm 2025) căn cứ theo Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2475151700 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 10 tháng 1 năm 2021 và công văn số 2792/CTTVI-TTHT về ưu đãi thuế TNDN của dự án Nhà máy Điện Gió Đông Hải 1 phát hành bởi Cục thuế tỉnh Trà Vinh ngày 22 tháng 7 năm 2021;
- Đối với Nhà máy thủy điện Đồng Nai 2, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu hoạt động hoạt động kinh doanh (từ năm 2014), được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2015) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo (năm 2020) căn cứ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC (“Thông tư 78”) - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN;
- Đối với Nhà máy thủy điện Krông Nô 2 và Nhà máy thủy điện Krông Nô 3, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong mười lăm (15) năm đầu tiên kể từ khi kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (năm 2017), được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo (năm 2017) căn cứ theo các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC (“Thông tư 78”) - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN
- Đối với dự án Nhà máy điện gió Phước Hữu Trung Nam, Nhóm Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10%, được miễn bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong chín (9) năm tiếp theo (năm 2025) căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500638863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 6 tháng 4 năm 2020, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 4 cấp ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Quyết định chủ trương đầu tư số 1585/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2020.

**29 THUẾ TNDN (tiếp theo)**

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.918.496.255	-
Thuế tính ở thuế suất 20%	16.783.699.251	-
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(96.502.815)	-
Chi phí không được khấu trừ	7.126.646.844	-
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(5.389.108.523)	-
Chênh lệch tạm thời đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	(4.702.932.641)	-
Thuế được miễn/giảm	(12.701.669.209)	-
Khác	5.025.920.015	-
Chi phí thuế TNDN (*)	6.046.052.922	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	10.748.985.563	-
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 20)	(4.702.932.641)	-
	6.046.052.922	-

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm/kỳ tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**30 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.615.965.103	-
Chi phí nhân viên	1.115.329.604	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.534.995.485	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.292.447.955	-
Chi phí khác	686.348.547	-
	115.245.086.694	-

**31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam do chiếm 74,2% vốn cổ phần của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và trong năm/kỳ, Nhóm Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	Công ty mẹ
Bà Đào Thị Minh Huệ	Cổ đông
Ông Nguyễn Đăng Nhân	Cổ đông
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Cổ đông
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	Cổ đông
Ông Nguyễn Tâm Tiến	Cổ đông
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắc Lắc 1	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Trung Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ giới Trung Nam Miền Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Điện Ninh Thuận	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Trung Nam Đà Lạt	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 3	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Trung Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 2	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư AZA	Cổ đông Công ty mẹ cao nhất
Ông Đỗ Văn Kiên	Cổ đông Công ty con
Ông Vũ Nhật Thành	Cổ đông Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	Cổ đông Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	Bên liên quan khác

**(a) Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan**

	<b>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND</b>
<b>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Trung Nam	126.000.000	-

## 31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	8.466.212.081	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Trung Nam	14.900.227.075	-
	<u>23.366.439.156</u>	<u>-</u>
<b>iii) Hoạt động tài chính</b>		
<b>Hợp tác đầu tư</b>		
Ông Nguyễn Đăng Nhân	<u>57.672.859.468</u>	<u>-</u>
<b>Chuyển khoản hợp tác đầu tư thành khoản phải thu về cho vay dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	<u>664.149.524.046</u>	<u>-</u>
<b>Đi vay</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	<u>153.312.708.953</u>	<u>-</u>
<b>Cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	<u>11.950.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Thu nhập lãi cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	<u>872.423.494</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	16.588.732.967	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư AZA	199.144.713	-
Công ty Cổ phần Trung Nam	2.503.750.197	-
	<u>19.291.627.877</u>	<u>-</u>

31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
<b>iv) Giao dịch góp vốn (Thuyết minh 22(c))</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam (*)	2.671.229.620.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam (*)	4.070.115.400.000	-
Bà Đào Thị Minh Huệ	752.537.000.000	-
Ông Nguyễn Đăng Nhân	246.497.500.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	229.570.000.000	-
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	542.885.000.000	-
Ông Nguyễn Tâm Tiến	570.215.250.000	-
	<u>9.083.049.770.000</u>	<u>-</u>

(\*) Theo Biên bản thoả thuận góp vốn số 10/2021/BBTT/BKT-TNG ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam thực hiện tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam bằng toàn bộ phần vốn góp đang nắm giữ tại Công ty với giá trị 2.671.229.620.000 Đồng, tương đương 29,41% vốn điều lệ Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp nêu trên cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam sở hữu 74,2% vốn điều lệ Công ty, tương đương 6.741.345.020.000 Đồng.

v) **Giao dịch khác**

*Bù trừ khoản phải trả khác với khoản phải thu  
cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác*

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	<u>1.487.000.747.969</u>	<u>-</u>
---	--------------------------	----------

vi) **Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>87.516.684</u>	<u>-</u>
---------------------------------	-------------------	----------

## 31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
<b>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6)</b>		
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Lắp máy Trung Nam	305.343.864.597	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Trung Nam	277.200.000	-
	<u>305.621.064.597</u>	<u>-</u>
<b>ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 7)</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	533.983.260.512	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	9.936.864.921	-
	<u>543.920.125.433</u>	<u>-</u>
<b>iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 8)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	411.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	175.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Trung Nam Trà Vinh 2	50.000.000	-
	<u>412.175.000.000</u>	<u>-</u>
<b>iv) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	93.557.482.201	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	35.399.165.811	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắc Lắc 1	197.567.452	-
Công ty Cổ phần Cơ giới Trung Nam Miền Nam	74.304.644	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 3	70.000.000	-
Ông Đỗ Văn Kiên	150.000.000	-
	<u>129.448.520.108</u>	<u>-</u>

## 31 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
<b>v) Phải thu dài hạn về cho vay dài hạn (Thuyết minh 8(b))</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	111.371.000.000	-
<b>vi) Các khoản phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 9(b))</b>		
Ông Nguyễn Đăng Nhân	57.672.859.468	-
<b>vii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Trung Nam	191.129.249.041	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Trung Nam	68.627.957.452	-
Công ty Cổ phần Cơ giới Trung Nam Miền Nam	7.463.755.851	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	4.207.052.622	-
	<u>271.428.014.966</u>	-
<b>viii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	927.345.088.885	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Trung Nam	626.250.386	-
Công ty Cổ phần Trung Nam	47.866.487	-
Ông Vũ Nhật Thành	58.760.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	38.415.506.077	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	139.650.000.000	-
Đào Thị Minh Huệ	92.615.516.871	-
	<u>1.198.758.988.706</u>	-
<b>ix) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	844.308.108.212	-
<b>x) Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b))</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	570.000.000.000	-

## 32 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”) HỢP NHẤT

## (a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Nhận góp vốn bằng cổ phần	9.071.049.770.000	-
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	949.829.955.527	-
Bù trừ khoản phải trả khác và khoản phải thu ngắn hạn khác	893.578.223.923	-
Phân loại khoản phải thu ngắn hạn khác thành khoản phải thu về cho vay dài hạn	664.149.524.046	-
Bù trừ khoản phải trả khác với khoản phải thu cho vay dài hạn	593.422.524.046	-
Phân loại khoản vay dài hạn thành khoản vay ngắn hạn	114.222.940.640	-

## (b) Số tiền đi vay thực thu trong năm/kỳ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Vay theo kế ước thông thường	193.312.708.953	-
Phát hành trái phiếu thường	111.961.000.000	-

## (c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm/kỳ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	292.931.610.862	-

**33 BÁO CÁO BỘ PHẬN***Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Nhóm Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động sản xuất, kinh doanh, truyền tải và phân phối điện là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, do vậy Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất

**34 CÁC CAM KẾT****(a) Thuê hoạt động**

Nhóm Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	876.108.718	-
Từ 1 đến 5 năm	2.548.651.475	-
Trên 5 năm	19.503.307.500	-
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>22.928.067.693</u>	<u>-</u>

**(b) Cam kết vốn**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2021 VND	2020 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	<u>64.525.451.936</u>	<u>-</u>

## 35 NỢ TIỀM TÀNG

Hiện tại, Nhóm Công ty đang có phát sinh các hợp đồng thuê đất trực tiếp từ nhà nước để phục vụ cho các dự án thủy điện của Nhóm Công ty. Theo như các điều khoản trong hợp đồng thuê đất thì việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng này được thực hiện theo quy định pháp luật. Căn cứ theo các quy định hiện hành, Nhóm Công ty có thể có nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Nhóm Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu sau thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai. Do Nhóm Công ty chưa đánh giá được khả năng về giảm sút lợi ích kinh tế từ nghĩa vụ tiềm tàng này, Nhóm Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên mà thuyết minh đây là một khoản nợ tiềm tàng trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

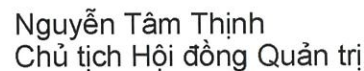
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê chuẩn ngày 21 tháng 6 năm 2022.



Lý Quang Vinh  
Người lập



Đinh Tấn Phi  
Kế toán trưởng



Nguyễn Tâm Thịnh  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị